

BỘ TÀI CHÍNH  
Số: 68/2003/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2003

## THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998  
của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế**

*Căn cứ các Luật thuế và Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí;*

*Căn cứ Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng  
Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc đăng ký cấp mã số đối tượng nộp thuế (gọi  
tắt là mã số thuế) và sử dụng mã số thuế như sau:*

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ MÃ SỐ THUẾ:**

**1. Khái niệm mã số thuế:** mã số thuế là mã số định danh duy nhất cho từng tổ chức hoặc cá nhân thuộc diện phải kê khai về thuế, phí, lệ phí với cơ quan Thuế (gọi chung là đối tượng nộp thuế - ĐTNТ) để cơ quan thuế quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

**2. Đối tượng được cấp mã số thuế:** gồm tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc diện phải kê khai đăng ký thuế, kê khai các khoản về thuế, phí, lệ phí theo quy định trong các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, phí, lệ phí (trừ các đối tượng chỉ nộp thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp).

### **3. Nơi đăng ký và thời hạn cấp mã số thuế:**

Tất cả các đối tượng thuộc diện được cấp mã số thuế phải thực hiện thủ tục đăng ký để được cấp mã số thuế (gọi tắt là đăng ký mã số thuế) với Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) hoặc Chi cục thuế quận, huyện, thị

xã. Cơ quan thuế hướng dẫn cụ thể nơi đăng ký cấp mã số thuế cho từng loại đối tượng.

Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp mã số thuế. Thời điểm tính từ ngày đối tượng nộp thuế gửi hồ sơ theo đúng quy định, không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

Các đối tượng nộp thuế đã được cấp mã số thuế theo Thông tư số 79/1998/TT-BTC, ngày 12/06/1998 vẫn tiếp tục sử dụng mã số thuế đã được cấp.

#### **4. Trách nhiệm của đối tượng nộp thuế và cơ quan Thuế:**

- Đối tượng nộp thuế có trách nhiệm kê khai đăng ký mã số thuế, kê khai bổ sung những thông tin đăng ký thuế, phí, lệ phí thay đổi (nếu có) theo quy định tại thông tư này. Đối tượng nộp thuế phải sử dụng mã số thuế để thực hiện các thủ tục kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí với cơ quan thuế. Khi chấm dứt hoặc ngừng, nghỉ hoạt động, đối tượng nộp thuế phải khai báo với cơ quan thuế và không được sử dụng mã số thuế trong thời gian ngừng, nghỉ hoạt động kinh doanh.

- Cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp tờ khai đăng ký thuế, hướng dẫn các thủ tục, kê khai hồ sơ đăng ký thuế, cấp mã số thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế đúng thời hạn quy định. Trường hợp khi kiểm tra phát hiện hồ sơ đăng ký thuế của đối tượng nộp thuế chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, thông tin kê khai chưa chính xác thì cơ quan thuế thông báo cho đối tượng nộp thuế chậm nhất không quá 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong đó nêu rõ các nội dung còn thiếu, sai và yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa. Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng hệ thống quản lý mã số thuế thống nhất trong phạm vi toàn quốc, hướng dẫn việc sử dụng mã số thuế, kiểm tra phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về mã số thuế.

**5. Cấu trúc mã số thuế:** mã số thuế là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng đối tượng nộp thuế. Cấu trúc mã số thuế được chia thành các nhóm như sau:

$N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 - N_{10} - N_{11}N_{12}N_{13}$

Trong đó:

Hai chữ số đầu  $N_1N_2$  là số phân khoảng tỉnh được quy định theo Danh mục mã phân khoảng tỉnh kèm theo Thông tư này.

Bảy chữ số  $N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$  được đánh theo số thứ tự từ 0 000 001 đến 9 999 999. Chữ số  $N_{10}$  là chữ số kiểm tra.

Mười số từ  $N_1$  đến  $N_{10}$  được cấp cho đối tượng nộp thuế độc lập và đơn vị chính.

Ba chữ số  $N_{11}N_{12}N_{13}$  là các số thứ tự từ 001 đến 999 được đánh theo từng đơn vị trực thuộc.

### **Nguyên tắc cấp mã số thuế:**

Một đối tượng nộp thuế chỉ được cấp một mã số duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động cho đến khi chấm dứt tồn tại. Mã số thuế được cấp dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế mà đối tượng đó phải nộp, kể cả trường hợp đối tượng nộp thuế kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trên các địa bàn khác nhau.

Mã số thuế gắn với một pháp nhân hoặc thể nhân nộp thuế. Đối tượng nộp thuế thay đổi tư cách pháp nhân thì pháp nhân mới phải thực hiện thủ tục đăng ký cấp mã số thuế mới. Một pháp nhân nộp thuế chấm dứt tồn tại thì mã số thuế sẽ không còn giá trị sử dụng. Đối với thể nhân (doanh nghiệp tư nhân, cá nhân, hộ kinh doanh) thì mã số thuế được cấp sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời của thể nhân đó. Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân đã giải thể, sau đó thành lập doanh nghiệp tư nhân mới vẫn do mình làm chủ thì vẫn phải sử dụng mã số thuế đã được cấp trước đó, cơ quan thuế không cấp mã số thuế mới.

5.1. Mã số thuế 10 số ( $N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 - N_{10}$ ) được cấp cho:

- Doanh nghiệp nhà nước gồm: doanh nghiệp độc lập, tổng công ty, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng, hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp kê khai, nộp thuế; nhà thầu là người điều hành hoặc công ty điều

hành hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; Chi nhánh của công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- Chủ dự án, các nhà thầu chính nước ngoài của các dự án ODA, các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam phải đăng ký thuế để được hoàn thuế;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh;
- Hợp tác xã;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân;
- Cá nhân, chủ hộ kinh doanh, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác;
- Cá nhân nộp thuế theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
- Đơn vị được uỷ quyền thu thuế, đơn vị thu phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của Pháp luật;
- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp khác.

5.2. Mã số thuế 13 số ( $N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 - N_{10} - N_{11}N_{12}N_{13}$ ) được cấp cho:

- Các chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh và đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế;
- Doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty;
- Nhà thầu tham gia hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí (trừ nhà thầu điều hành hợp đồng);
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp có phát sinh nộp thuế;
- Cá nhân có các cửa hàng, cửa hiệu đăng ký nộp thuế tại địa bàn quận, huyện hoặc tỉnh khác nhau và cá nhân là chủ của nhiều doanh nghiệp tư nhân thì ngoài mã số thuế chính 10 số còn được cấp các mã số thuế 13 số để kê khai nộp thuế cho các cửa hàng trên các địa bàn khác nhau và kê khai nộp thuế cho các doanh nghiệp tư nhân khác nhau.

- Xã viên hợp tác xã, các cá nhân thuộc các tổ chức kinh tế kinh doanh theo phương thức nhận khoán, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

Các đối tượng quy định tại điểm 5.2 trên được gọi là các "Đơn vị trực thuộc". Đơn vị có các đơn vị trực thuộc được gọi là "Đơn vị chủ quản". Các đơn vị trực thuộc không phân biệt hình thức hạch toán độc lập hay hạch toán phụ thuộc đều được cấp mã số thuế 13 số.

Cơ quan thuế không cấp mã số thuế cho các đơn vị không trực tiếp kê khai nộp thuế như: đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc do đơn vị chủ quản kê khai nộp thuế cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị trực thuộc; các nhà thầu và nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua doanh nghiệp Việt Nam; các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp không có hoạt động kinh doanh hoặc có hoạt động kinh doanh nhưng nộp thuế thông qua doanh nghiệp chủ quản.

Các đơn vị chịu sự quản lý của Chi nhánh mà đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì đơn vị chủ quản (có mã số thuế 10 số) phải thực hiện kê khai các đơn vị này để cơ quan thuế cấp mã số thuế 13 số. Trường hợp đơn vị chủ quản không kê khai thì các đơn vị này đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế để được cơ quan thuế thông báo mã số thuế 10 số, nhưng không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

## **6. Chứng nhận cấp mã số thuế:**

- Các đối tượng nộp thuế có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký mã số thuế được cơ quan thuế chứng nhận cấp mã số thuế bằng Giấy chứng nhận đăng ký thuế theo mẫu số 10-MST. Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được cấp "Thẻ mã số thuế cá nhân".

- Các trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế thì được cơ quan Thuế Thông báo mã số thuế theo mẫu số 11-MST.

## **7. Thay đổi thông tin đăng ký thuế:**

ĐTNT có thay đổi các nội dung đã kê khai đăng ký thuế, phải kê khai bổ sung với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế theo mẫu 08-MST.